

Số: 1399/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa trong lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán năm 2021 cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực dệt may Việt Nam trong năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính mới, 12 (mười hai) thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính đã được công bố tại Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (chi tiết Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

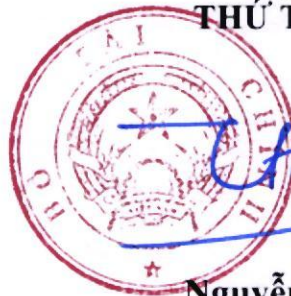
Cục Tài chính doanh nghiệp thực hiện việc nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN (10 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH
VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương			
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Cơ quan đại diện chủ sở hữu cấp trung ương
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh			
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp	Cơ quan đại diện chủ sở hữu cấp địa phương

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương						
1	1.007573	Thủ tục lập kế hoạch, phân bổ hỗ trợ kinh phí đào tạo dệt may	Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Điều 1 Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán năm 2021 cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam để hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực dệt may Việt Nam trong

						năm 2020 có nêu: “ <u>Từ năm 2021, ngân sách trung ương không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, các trường hợp thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định</u> ”
2	1.007574	Thủ tục quyết toán hỗ trợ kinh phí đào tạo dệt may	Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Điều 1 Quyết định số 473/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán năm 2021 cho Tập đoàn Dệt may Việt Nam để hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực dệt may Việt Nam trong năm 2020 có nêu: “ <u>Từ năm 2021, ngân sách trung ương không hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực dệt may, các trường hợp thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định</u> ”
3	1.007575	Thủ tục chi hỗ trợ thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ bị bãi bỏ
4	1.007576	Thủ tục bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà	Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp - Bộ Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ bị bãi bỏ

		nước, Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ từ Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp				
5	1.007578	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Lĩnh vực Giá	Cục Quản lý Giá	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
6	1.007579	Thủ tục tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp, Vụ Ngân sách nhà nước	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
7	1.007580	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Cục Tài chính doanh nghiệp	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
1	1.007614	Thủ tục lập phương án giá tiêu thụ, mức trợ giá	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Lĩnh vực Giá	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
2	1.007616	Thủ tục lập, phân bổ dự toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ

3	1.007618	Thủ tục tạm ứng kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
4	1.007619	Thủ tục thanh toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ
5	1.007621	Thủ tục quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản	Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ Tài chính	Tài chính doanh nghiệp	Sở Tài chính	Lý do bãi bỏ TTHC: Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 bị bãi bỏ

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

A. Thủ tục hành chính cấp trung ương

- Tên thủ tục: “*Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp*”.

1. Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp xác định số lãi chậm nộp về Quỹ đến thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hồ sơ để được xem xét, miễn lãi chậm nộp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị miễn lãi chậm nộp của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thẩm định, ra quyết định miễn lãi chậm nộp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, trong đó nêu rõ số tiền doanh nghiệp được miễn lãi và số tiền còn phải nộp. Quyết định miễn lãi chậm nộp gửi doanh nghiệp và Bộ Tài chính.

- Trường hợp hồ sơ miễn lãi chậm nộp chưa đảm bảo đầy đủ nội dung, tài liệu theo quy định thì cơ quan đại diện chủ sở hữu (nêu rõ lý do) trả lời doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1 Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc xem xét, miễn lãi chậm nộp (bản chính) theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

- Các tài liệu liên quan theo các trường hợp quy định tại điểm 1 Phụ lục này (bản chính/sao y).

- Tài liệu, chứng từ nộp về Quỹ và xác định số còn phải nộp (bản chính/sao y).

3.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước có lãi chậm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại trung ương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận/chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thua lỗ và/hoặc còn lỗ lũy kế đến thời điểm được xem xét miễn lãi chậm nộp; doanh nghiệp đã sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp nhưng không đủ để bù đắp khoản lãi chậm nộp, Doanh nghiệp nộp nhằm về ngân sách nhà nước thay vì nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (Quỹ).

- Doanh nghiệp chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định do Cơ quan có thẩm quyền chậm phê duyệt quyết toán cổ phần hóa dẫn đến.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa khi đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần không phát sinh dòng tiền dẫn đến chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định.

- Doanh nghiệp cấp 2 cổ phần hóa theo hình thức bán bớt phần vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp 1 đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu chậm nộp hoặc chưa nộp tiền thu từ bán cổ phần lần đầu tương ứng số tiền phải hoàn trả doanh

ng nghiệp cấp 1 phần giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra và số thuế phải nộp theo quy định (nếu có).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ.

B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Tên thủ tục: *“Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp”*.

1. Trình tự thực hiện:

- Doanh nghiệp xác định số lãi chậm nộp về Quỹ đến thời điểm Nghị định có hiệu lực thi hành báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu hồ sơ để được xem xét, miễn lãi chậm nộp.

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị miễn lãi chậm nộp của doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện thẩm định, ra quyết định miễn lãi chậm nộp cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, trong đó nêu rõ số tiền doanh nghiệp được miễn lãi và số tiền còn phải nộp. Quyết định miễn lãi chậm nộp gửi doanh nghiệp và Bộ Tài chính.

- Trường hợp hồ sơ miễn lãi chậm nộp chưa đảm bảo đầy đủ nội dung, tài liệu theo quy định thì cơ quan đại diện chủ sở hữu (nêu rõ lý do) trả lời doanh nghiệp trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

3.1 Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của doanh nghiệp về việc xem xét, miễn lãi chậm nộp (bản chính) theo Phụ lục V kèm theo Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ;

- Các tài liệu liên quan theo các trường hợp quy định tại điểm 1 Phụ lục này (bản chính/sao y).

- Tài liệu, chứng từ nộp về Quỹ và xác định số còn phải nộp (bản chính/sao y).

3.2 Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức trong nước có lãi chậm nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại địa phương.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận/chấp thuận.

8. Phí, lệ phí: Không có.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không có.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Doanh nghiệp có kết quả kinh doanh thua lỗ và/hoặc còn lỗ lũy kế đến thời điểm được xem xét miễn lãi chậm nộp; doanh nghiệp đã sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản bồi thường của tập thể, cá nhân có liên quan đến việc chậm nộp nhưng không đủ để bù đắp khoản lãi chậm nộp, Doanh nghiệp nộp nhằm về ngân sách nhà nước thay vì nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (Quỹ).

- Doanh nghiệp chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định do Cơ quan có thẩm quyền chậm phê duyệt quyết toán cổ phần hóa dẫn đến.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa khi đánh giá lại giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần không phát sinh dòng tiền dẫn đến chậm nộp tiền về Quỹ theo thời gian quy định.

- Doanh nghiệp cấp 2 cổ phần hóa theo hình thức bán bớt phần vốn đầu tư của doanh nghiệp cấp 1 đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu chậm nộp hoặc chưa nộp tiền thu từ bán cổ phần lần đầu tương ứng số tiền phải hoàn trả doanh nghiệp cấp 1 phần giá trị sổ sách của số cổ phần bán ra và số thuế phải nộp theo quy định (nếu có).

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ./.